

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 14/9/2022
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hanh

Các Hội thẩm nhân: Ông Đinh Văn Hải

Ông Nguyễn Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng:
Bà Hoàng Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 74/2022/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Hoàng Thị H - sinh năm 1991; HKTT: xóm 9, xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Hoàng Quốc K - sinh năm 1989; HKTT: tổ 15, phường T, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Hoàng Thị H trình bày: Chị H và anh Hoàng Quốc K kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2017, có đăng ký kết hôn ngày 10/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể, đỉnh điểm đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến cãi chửi nhau, có xảy ra xô xát nhưng không có thương tích. Mâu thuẫn có gia đình hai bên biết và khuyên bảo, vợ chồng tự hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Gia H (sinh ngày 22/3/2017; Giới tính: Nam). Khi ly hôn, chị H có ý kiến giao con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng chẵn*), ngoài ra chị H sẽ tự thỏa thuận cấp dưỡng thêm cho anh K các khoản chi phí phát sinh khác tùy theo khả năng thu nhập và thực tế chi phí nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Hoàng Quốc K trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn phù hợp với lời khai của chị H. Trong quá trình chung sống, về thời điểm phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng như chị H trình bày. Mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hai bên khuyên bảo và hai vợ chồng tự hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay. Anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh K xác nhận vợ chồng có 01 (một) con chung là Hoàng Gia H (sinh ngày 22/3/2017; Giới tính: Nam). Khi ly hôn, anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng chẵn*).

Về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại buổi hòa giải ngày 11/7/2022 anh K và chị H đều nhất trí thuận tình ly hôn, hai bên thống nhất giao con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) nhưng sau đó anh K tự ý bỏ về không ký biên bản ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Hoàng Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Hoàng Quốc K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh với tổ trưởng dân phố đề ngày 29/7/2022 thể hiện: Anh Hoàng Quốc K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 15 (tổ 19 cũ) phường T, thành phố Cao Bằng. Có vợ là chị Hoàng Thị H (Địa chỉ: xã V, thành phố Cao Bằng). Hiện nay anh K và chị H đã ly thân từ năm 2019, chị H hiện nay ở đâu tổ dân phố không nắm được. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng chưa có tổ dân phố giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 235, Điều 238, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; tuyên xử: Chấp nhận đơn ly hôn của chị Hoàng Thị H, xử cho chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Quốc K được ly hôn. Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia H (sinh ngày

22/3/2017; Giới tính: Nam) cho anh Hoàng Quốc K trực tiếp nuôi dưỡng, chị Hoàng Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng chẵn*), thời gian đóng góp tính kể từ tháng 9/2022 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, bị đơn Hoàng Quốc K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 15, phường T, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn Hoàng Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Hoàng Quốc K không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại Tòa án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Quốc K có đăng ký kết hôn ngày 10/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, có cãi chửi nhau và xảy ra xô xát nhưng không có thương tích xảy ra. Quá trình mâu thuẫn có gia đình hai bên biết và khuyên bảo, vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay và không còn quan tâm, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh K đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân kéo dài và không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị H và anh K đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Kể từ thời điểm thụ lý vụ án, cả hai bên đều không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giải quyết cho ly hôn giữa chị H và anh K.

[3.2] Về con chung: Chị H và anh K có 01 con chung là cháu Hoàng Gia H (sinh ngày 22/3/2017; Giới tính: Nam). Xét thấy, từ khi chị H và anh K sống ly

thân đến nay, anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đã ổn định cuộc sống và đảm bảo tốt về mọi mặt. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh K đều thống nhất giao con chung cho anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng. Nhận thấy, để bảo đảm được lợi ích toàn diện và ổn định cuộc sống cho cháu, cần giao con chung anh K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án anh K yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 11/7/2022 chị H và anh K đều thống nhất mỗi tháng chị H cấp dưỡng số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) nhưng anh K không ký tên trong biên bản ghi nhận sự thỏa thuận. Chị H có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), ngoài ra sẽ tự thỏa thuận đóng góp chi phí phát sinh khác để hỗ trợ nuôi con ngoài số tiền trên tùy theo mức thu nhập. Cho đến thời điểm mở phiên tòa, anh K không có ý kiến thay đổi về mức cấp dưỡng trên. Xét thấy, mức cấp dưỡng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng chẵn*) là phù hợp với mức thu nhập bình quân hàng tháng hiện nay của chị H là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*), đảm bảo ổn định cuộc sống của chị H và phù hợp với mức cấp dưỡng nuôi con hiện nay, do đó cần chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: chị H và anh K được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Quốc K.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia H (sinh ngày 22/3/2017; Giới tính: Nam) cho anh Hoàng Quốc K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng chẵn*), thời gian thực hiện cấp dưỡng tính kể từ tháng 9/2022 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh K không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003203 ngày 27/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Chị H còn phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và đến hạn thực hiện việc cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- UBND xã Vĩnh Quang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hanh

